

Số: 135 /QĐ-SCT

Ninh Bình, ngày 08 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình.

(theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Thủ trưởng các phòng, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, VP.



Phạm Hồng Sơn

Đơn vị: Sở Công thương Ninh Bình
Chương: 416



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHỖ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 135/QĐ-SCT ngày 08 tháng 8 năm 2025
của Sở Công Thương Ninh Bình)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó		
				Văn phòng Sở Công Thương	Chi cục Quản lý thị trường	Trung tâm Khuyến công và XTTM
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí	493.000	493.000	493.000		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	163.000	163.000	163.000		-
1	Chi sự nghiệp	-		-		-
2	Chi quản lý hành chính	163.000	163.000	163.000		-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	163.000	163.000	163.000		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	330.000	330.000	330.000		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	123.976.586	123.976.586	40.594.576	51.177.010	32.205.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	123.976.586	123.976.586	40.594.576	51.177.010	32.205.000
1	Chi quản lý hành chính	85.861.586	85.861.586	34.684.576	51.177.010	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	73.778.310	73.778.310	29.033.000	44.745.310	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.083.276	12.083.276	5.651.576	6.431.700	
2	Chi sự nghiệp kinh tế	37.730.000	37.730.000	5.590.000		32.140.000
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.228.000	12.228.000			12.228.000
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	25.502.000	25.502.000	5.590.000		19.912.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	320.000	320.000	320.000		-
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-		-
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	320.000	320.000	320.000		
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin	65.000	65.000	-		65.000
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-		-
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	65.000	65.000			65.000
II	Nguồn viện trợ	-		-		-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-		-		-